

THÔNG BÁO

V/v Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý giáo dục năm 2024

Thực hiện kế hoạch tuyển sinh, Học viện Quản lý giáo dục thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2024 như sau:

A. THÔNG TIN TUYỂN SINH CHUNG CỦA HỌC VIỆN

1. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1.1. Về văn bằng:

Đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên ngành Quản lý giáo dục.

Bằng thạc sĩ ngành phù hợp là các ngành thuộc lĩnh vực, nhóm ngành Khoa học và Đào tạo giáo viên (mã ngành 814, chi tiết tại Phụ lục I) thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Đối với người đăng ký dự tuyển có bằng thạc sĩ do Trường Đại học nước ngoài cấp sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét cụ thể, quyết định.

1.2. Về công trình nghiên cứu khoa học: Là tác giả ít nhất 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành được Hội đồng chức danh giáo sư công nhận trước ngày đăng ký dự tuyển.

1.3. Về thâm niên công tác: Người dự tuyển phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực giáo dục, Quản lý giáo dục.

1.4. Đề cương nghiên cứu (theo mẫu)

1.5. Về ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác

tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Quản lý giáo dục phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Học viện quyết định.

1.6. Các điều kiện khác

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;

- Nộp đầy đủ hồ sơ dự tuyển, được xác nhận bởi cơ quan quản lý nhân sự hoặc địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện Quản lý giáo dục.

- Đủ sức khỏe học tập và công tác.

2. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH (Dự kiến): 15 chỉ tiêu

3. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh (theo mẫu);
- Công văn cử đi dự tuyển và xác nhận quá trình công tác của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức); Các giấy tờ xác nhận thâm niên nghề nghiệp;

- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);
- Bản sao văn bằng, bảng điểm tốt nghiệp đại học (có chứng thực) và các chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có); Bản sao văn bằng và bảng điểm thạc sĩ (có chứng thực); Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có, có chứng thực);

Trường hợp ứng viên nộp trực tiếp có thể nộp bản sao mang theo bản chính để đối chiếu, cán bộ nhận Hồ sơ đối chiếu xác nhận;

- 08 bản sao các bài báo khoa học đã công bố gồm: trang bìa, trang mục lục và toàn bộ bài báo khoa học, có bảng kê khai danh mục ở trang sau bìa lót;

- 02 thư giới thiệu của nhà khoa học (theo mẫu);

- 01 bản gốc và 07 bản sao Đề cương về dự định nghiên cứu của ứng viên và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (theo mẫu);

- Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

- 01 bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định (theo mẫu);

- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của bệnh viện theo quy định;

- 03 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của ứng viên;

- 03 ảnh 4x6 (mới chụp trong vòng 6 tháng), ghi rõ họ tên và ngày sinh của ứng viên sau ảnh.

4. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

4.1. Thời gian thu hồ sơ

- Phát hành và nộp hồ sơ dự tuyển đợt 1: Từ tháng 03/2024 đến 18/5/2024
- Phát hành và nộp hồ sơ dự tuyển đợt 2: Từ 20/5/2024 đến 18/10/2024

4.2. Thời gian tuyển sinh

- Ngày xét tuyển đợt 01: Thứ Sáu, ngày 31 tháng 5 năm 2024
- Ngày xét tuyển đợt 02: Thứ Năm, ngày 31 tháng 10 năm 2024

Trong trường hợp có điều chỉnh thời gian, Học viện sẽ có thông báo sau.

4.3. Hình thức và thời gian đào tạo

- **Hình thức đào tạo:** Chính qui.

- **Thời gian đào tạo:**

- + Người dự tuyển có bằng thạc sĩ: 03 năm
- + Người dự tuyển có bằng đại học: 04 năm

5. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

5.1. Đối với đối tượng có bằng thạc sĩ: Xét tuyển

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh được tiến hành thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn dự tuyển theo đúng Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ GD&ĐT và Quy định của Học viện Quản lý giáo dục (kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng Đề cương nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ ứng viên trong thư giới thiệu...).

5.2. Đối với đối tượng có bằng đại học: Thi tuyển và xét tuyển

- Đối tượng dự tuyển có bằng đại học ngành Quản lý giáo dục, phải dự thi cùng đợt với kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, môn thi cụ thể như sau:

- + Môn thi cơ bản: Giáo dục học
- + Môn chủ chốt: Khoa học quản lý
- + Môn Ngoại ngữ: Theo quy định trong Mục 1.5 của thông báo này.

- Đánh giá hồ sơ chuyên môn dự tuyển (Sau khi ứng viên đã dự tuyển kỳ thi đào tạo trình độ thạc sĩ).

6. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN, NHẬP HỌC

- Công bố kết quả trúng tuyển và nhập học đợt 01: Tháng 6/2024
- Công bố kết quả trúng tuyển và nhập học đợt 02: Tháng 11/2024

7. LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ DỰ THI, HỌC PHÍ

7.1. Lệ phí đăng ký dự thi

Lệ phí nộp cùng hồ sơ, cụ thể như sau:

Lệ phí đăng kí hồ sơ thực hiện theo quy định hiện hành, có Thông báo riêng.

Các loại phí trên nộp tại Phòng Kế hoạch và tài chính, phòng 209 nhà A1, Học viện Quản lý giáo dục.

7.2. Kinh phí đào tạo, học phí

- Tất cả các nghiên cứu sinh đều phải nộp kinh phí đào tạo và học phí hàng năm theo quy định hiện hành của Chính phủ.

- Đối với nghiên cứu sinh theo Đề án 89 sẽ thực hiện theo quy định của Đề án.

B. MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI TUYỂN SINH THEO ĐỀ ÁN 89

Học viện tuyển sinh nghiên cứu sinh thuộc diện Đề án 89 đáp ứng yêu cầu tại Mục I của Thông báo này và một số yêu cầu cụ thể sau:

1. Đối tượng và tiêu chuẩn dự tuyển

Là giảng viên cơ hữu hoặc người có nguyện vọng trở thành giảng viên có cam kết trở thành giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và được cơ sở này đồng ý tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình đào tạo; Có dự định học tiến sĩ hoặc đang theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ lần đầu tiên còn thời gian học tập, nghiên cứu ít nhất từ 18 tháng trở lên tính đến thời điểm tham gia tuyển chọn;

Là công dân Việt Nam, tuổi không quá 40 tính đến thời điểm dự tuyển; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; đủ sức khỏe để đi học; không trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên;

Chưa nhận hoặc chưa cam kết nhận học bổng toàn phần từ ngân sách Nhà nước hoặc từ các nguồn kinh phí khác cho việc học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ tính đến thời điểm được tuyển chọn.

Có cam kết quay về làm việc tại cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam sau khi tốt nghiệp; những người chưa phải là giảng viên phải có thỏa thuận ký với một cơ sở giáo dục đại học Việt Nam về việc tiếp nhận làm giảng viên của cơ sở đó sau khi tốt nghiệp.

Có công văn cử đi dự tuyển của cơ sở cử đi học nghiên cứu sinh, nơi giảng viên đang làm việc hoặc nơi thỏa thuận tiếp nhận làm giảng viên sau khi tốt nghiệp.

2. Thời gian và hình thức đào tạo

Nghiên cứu sinh được đào tạo toàn thời gian ở Việt Nam, trong đó có thời gian đi dự hội thảo hoặc thực tập tại nước ngoài.

1) Thời gian đào tạo: Theo yêu cầu của chương trình đào tạo; kinh phí được cấp không quá 4 năm, trong đó có tối đa không quá 03 tháng đi thực tập, hội thảo ở nước ngoài, không bao gồm chi phí đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho người học trước khi nhập học các chương trình đào tạo tiến sĩ;

2) Hình thức đào tạo: Tập trung (nghiên cứu sinh dành toàn bộ thời gian học tập và nghiên cứu của khóa học tại cơ sở đào tạo, không kể thời gian thực tập, dự hội nghị ở nước ngoài)

3. Trách nhiệm và quyền lợi của nghiên cứu sinh trúng tuyển

3.1. Người học có các quyền sau:

1) Được cấp kinh phí hỗ trợ của Đề án theo thời hạn phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ tại cơ sở đào tạo;

2) Được cơ sở cử đi tạo điều kiện, bố trí thời gian để hoàn thành chương trình đào

tạo và tiếp nhận trở lại làm việc sau khi tốt nghiệp;

3) Giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học được hưởng các quyền lợi khác, tuân thủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hiện hành và tuân thủ những quy định khác (nếu có) theo thỏa thuận giữa người được cử đi đào tạo và cơ sở cử đi học tập;

3.2. Người học có các trách nhiệm sau:

1) Tuân thủ quy định và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian học tập, nghiên cứu; báo cáo cơ sở cử đi tiến độ, kết quả học tập và nghiên cứu định kỳ 06 tháng hoặc khi kết thúc kỳ học, năm học trong thời gian đào tạo và khi tốt nghiệp chương trình đào tạo;

2) Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn và được cấp bằng tiến sĩ theo quy định của Học viện;

3) Trong thời gian học tập, nghiên cứu hoặc chậm nhất trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp, người học tiến sĩ phải công bố kết quả nghiên cứu liên quan trực tiếp tới đề tài luận án ít nhất 01 công bố khoa học đối với người học trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây viết tắt là WoS/Scopus) với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ.

4) Tự bảo đảm tài chính để tiếp tục học tập, nghiên cứu và hoàn thành chương trình đào tạo trong trường hợp thời gian đào tạo dài hơn thời hạn tối đa được nhận kinh phí hỗ trợ từ Đề án;

5) Quay trở về cơ sở cử đi ngay sau khi tốt nghiệp và làm việc trong thời gian tối thiểu theo quy định của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo đối với người học không phải là công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định 143); theo quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định 101) đối với người học là công chức, viên chức và các quy định hiện hành khác có liên quan;

6) Thực hiện bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đã nhận từ Đề án trong thời gian học tập, nghiên cứu theo quy định tại Nghị định 143 đối với người học không phải là công chức, viên chức và theo quy định tại Nghị định 101 đối với người học là công chức, viên chức và các quy định hiện hành khác có liên quan trong trường hợp vi phạm những quy định tại Điều 3 của Nghị định 143, Điều 7 của Nghị định 101 và không thực hiện đầy đủ những trách nhiệm khác của người học theo quy định.

3.3. Học bổng và chi phí đào tạo

1) Người học được hỗ trợ học bổng và học phí, hỗ trợ chi phí đi dự hội thảo hoặc thực tập ở nước ngoài;

2) Học bổng và chi phí đào tạo hỗ trợ người học được bảo đảm từ nguồn ngân sách trung ương với định mức chi theo hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án 89 của Bộ Tài chính cấp cho người được cử đi đào tạo trong thời gian đào tạo nhưng

không quá 04 năm, trong đó kinh phí thực tập, nghiên cứu và tham gia hội thảo ở nước ngoài tối đa không quá 03 tháng.

C. ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH, NHẬN HỒ SƠ VÀ LIÊN HỆ

Phòng QLĐT-GDCT&CTSV (Bộ phận Đào tạo Sau đại học), Phòng 307, Nhà A1, Học viện Quản lý giáo dục, số 31 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Điện thoại: 024 36 68 74 30 hoặc ThS.Nguyễn Mạnh Cường, số điện thoại: 0825 866 789.

Lưu ý: Hồ sơ và kinh phí đã nộp nếu ứng viên không dự tuyển sẽ không hoàn lại.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Các cơ sở giáo dục;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: TCHC, KHTC, P.QLĐT-GDCT&CTSV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Hữu Hoan

**PHỤ LỤC I. DANH MỤC THỐNG KÊ CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

| Mã ngành | Tên ngành | Hiệu lực | Ghi chú |
|----------|--|---------------------------------------|-------------------|
| 814 | Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên | | |
| 81401 | Khoa học giáo dục | | |
| 8140101 | Giáo dục học | | |
| 8140110 | Lý luận và phương pháp dạy học... | | |
| 8140111 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn... | | |
| 8140113 | Giáo dục và phát triển cộng đồng | Có hiệu lực áp dụng từ ngày 22/7/2022 | Bổ sung ngành mới |
| 8140114 | Quản lý giáo dục | | |
| 8140115 | Đo lường và đánh giá trong giáo dục | | |
| 8140116 | Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy | | |
| 8140117 | Giáo dục quốc tế và so sánh | | |
| 8140118 | Giáo dục đặc biệt | | |

(Handwritten mark)

(Faint text at the bottom of the page, likely a reference or date)

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO
TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

| Stt | Ngôn ngữ | Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận | Trình độ/Thang điểm |
|-----|------------------------------------|--|--|
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | Từ 46 trở lên |
| | | IELTS | Từ 5.5 trở lên |
| | | B2 First/B2 Business | |
| | | Cambridge Assessment English Vantage/Linguaskill | Thang điểm: từ 160 trở lên |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance française diplomas | TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue |
| | | Goethe -Institut | Goethe- Zertifikat B2 trở lên |
| 3 | Tiếng Đức | The German TestDaF language certificate | TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên |
| | | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK level 4 trở lên |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK level 4 trở lên |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N3 trở lên |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language) | ТРКИ-2 trở lên |
| 7 | Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác | Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam | Từ bậc 4 trở lên |

(Phụ lục của Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

